

ĐÔNG TRÙNG HẠ THẢO TRUNG NHÂN
55 ĐƯỜNG 232 CAO LỖ, PHƯỜNG 4, QUẬN 8

Lưu

HỒ SƠ TỰ CÔNG BỐ

22/TRUNGNHAN/2024

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 22/TRUNGNHAN/2024

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH ĐÔNG TRÙNG HẠ THẢO TRUNG NHÂN
Địa chỉ: 55 Đường 232 Cao Lỗ, Phường 4, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Điện thoại: 028 2253 4501 (0908 3456 89 Thủy) Fax: 028 2253 4502
E-mail: dongtrunghathaoTrungnhan@gmail.com
Mã số doanh nghiệp: 0316587264
Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 04/2024/QLCL-BRVT
Ngày Cấp: 11 tháng 1 năm 2024, được cấp bởi Chi Cục Quản Lý Chất Lượng Nông Lâm Sản
Và Thủy Sản Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: ĐÔNG TRÙNG HẠ THẢO CORDY FUROIDAN
2. Thành phần:
 - Fucoidan (chiết xuất tảo nâu)
 - Nấm lim xanh
 - Đông trùng hạ thảo
 - Nhân sâm Canada
 - Maltodextrin
3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 18 tháng kể từ ngày sản xuất.
4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:
 - Đóng bằng túi chuyên dụng dụng đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế
 - Khối lượng tịnh: Đóng gói theo yêu cầu của khách hàng
5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):
Cơ sở Đông trùng hạ thảo.
Địa chỉ: Đường số 38, xã Tân Hưng, Thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

- Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:
- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 4884-1:2015 (ISO 4833-1:2013)
 - Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)
 - Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 4992:2005 (ISO 7932:2004)
 - Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2007)
 - Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)
 - Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 8275-2:2010

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Thành phố HCM, ngày 14 tháng 3 năm 2024

**CÔNG TY TNHH
ĐÔNG TRÙNG HẠ THẢO TRUNG NHÂN**



Bà NGUYỄN THỊ THANH ĐANG
Chủ Tịch Hội Đồng Thành Viên

Chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm:
CÔNG TY TNHH DÔNG TRÙNG HÀ THẢO TRUNG NHÂN
Địa chỉ: 55 Đường 232 Cao Lỗ, P.4, Quận 8, TP. HCM
Website: www.dongtrunghathaoctrungnhan.vn
Số TCE: 22/TRUNGNHAN/2024, GCN ATTP: 04/2024/QĐ-L-8RV

Having responsibility for product quality:
TRUNG NHAN CATERPILLAR FUNGUS COMPANY LIMITED
Address: 55, 232 Cao Lo Street, Ward 4, District 8, Ho Chi Minh City, Viet Nam.
Product Declaration No: 22/TRUNGNHAN/2024, Certificate of Compliance
with Food Safety Regulations No: 04/2024/QĐ-L-8RV



**PREMIUM
CORDYCEPS**

**ĐÔNG TRÙNG
HẠ THẢO
CORDY
FUCOIDAN**

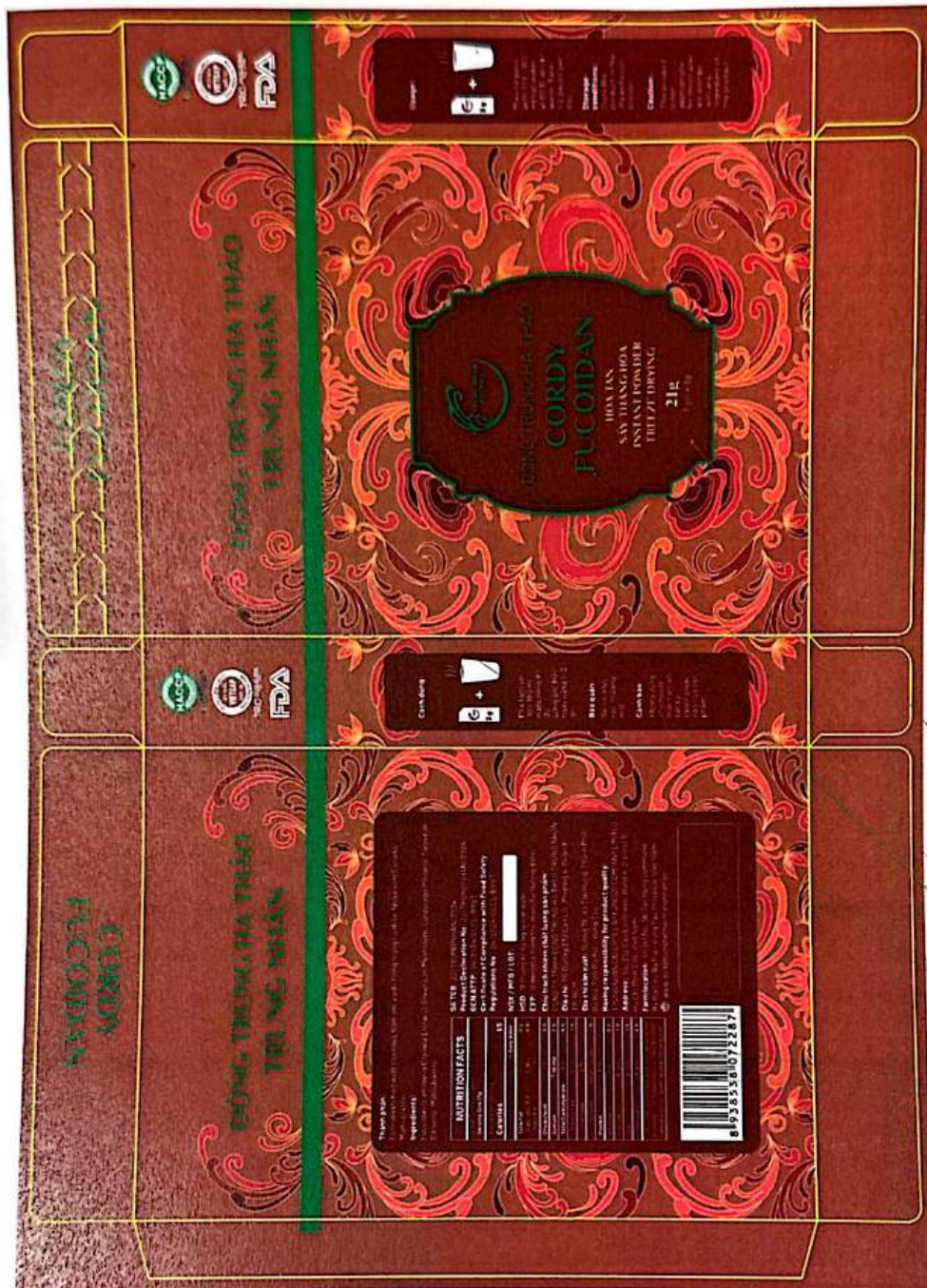


**HÒA TAN
SẤY THĂNG HOA**
Instant powder. Freeze drying

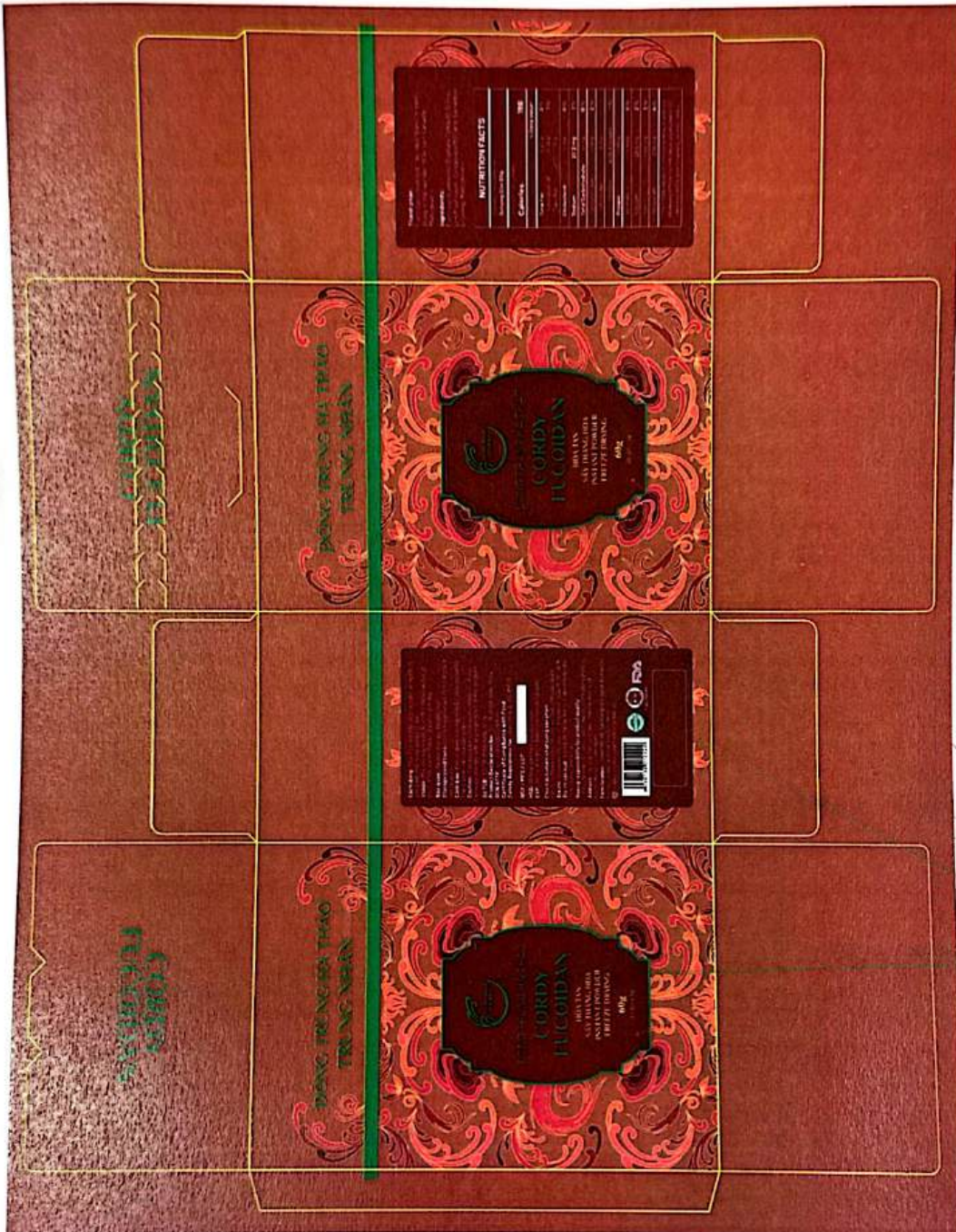
NET WT: 3g

Thành phần: Fucoidan (chiết xuất tảo nâu), Nấm len xanh, Đông trùng hạ thảo, Nhân sâm Canada, Maltodextrin.
Cách dùng: Pha 1 gói với 100-180 ml nước nóng 80 độ, uống 5ml.
Mỗi ngày uống 1 - 2 gói.
Báo quai: Để nơi khô ráo, thoáng mát. Cảnh báo: Không dùng cho người mẫn cảm với bất kỳ thành phần nào của sản phẩm.
HSD: 18 tháng kể từ ngày sản xuất.

Ingredients: Fucoidan (Laminaria Digitata Extract), Green Lin Mushroom, Cordyceps Militaris, Canadian Ginseng, Maltodextrin.
Usage: Mix one pack with 100 - 180 ml hot water at 80°C, drink warm.
Take 1-2 packs per day.
Storage conditions: Store the product in the dry and cool places.
Caution: This product is not appropriate for those who are allergic with any ingredient of the product.
Expiration date: 18 months from the manufacturing date.



Scanned with CamScanner



CÔNG TY TNHH ĐÔNG TRÙNG HẠ THẢO TRUNG NHÂN 10/10/2024		Customer: TRUNG NHÂN
Name: HỘ HT CORDY FUCOIDAN 20	Dimensions: 110 x 80 x 165 mm	Client Comments:
Design: CUONG VO	Supervisor: HONG SON	
Date: 15/03/2024	Approved by:	
Signature:	Date:	

BN: 240201-004/TTSG

Mã số mẫu / Sample ID: 2402028

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Analytical Results



VILAS 943

Tên mẫu/ Sample name: **ĐÔNG TRÙNG HẠ THẢO CORDY FUCOIDAN**
Khách hàng/ Client : **CÔNG TY TNHH ĐÔNG TRÙNG HẠ THẢO TRUNG NHÂN**
Địa chỉ /Address : **55 đường 232 Cao Lỗ, Phường 4, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh**
Mô tả mẫu /Sample description: **Mẫu thành phẩm dạng bột đựng trong hũ thủy tinh kín**
Nền mẫu /Matrix : **ĐÔNG TRÙNG HẠ THẢO CORDY FUCOIDAN**
Số lượng mẫu/ Number of sample: **01**
Ngày nhận mẫu/Date of sample received : **01/02/2024**
Ngày hẹn trả kết quả/ Date of results delivery: **20/02/2024**

BẢN SAO

Mã số mẫu/ Sample ID	Chỉ tiêu phân tích/ Parameters	Kết quả/ Result	LOD	Đơn vị/ Unit	Phương pháp/ Test method
2402028	Protein ^(*) (b) (N x 6.25)	1.41	-	g/100g	AOAC 991.20
	Béo tổng ^(*) (b)	0.49	-	g/100g	Ref. AOAC 996.06
	Đường tổng ^(*) (b)	30.3	-	g/100g	Ref. EC 152 - 2009
	Carbohydrate ^(*) (b)	75.1	-	g/100g	Ref. EC 152 - 2009
	Năng lượng ^(*) (b)	310	-	Kcal/100g	Calculated value (FAO, Food & Nutrition, P 77, 2003)
	Xơ dinh dưỡng ^(*)	0.93	-	g/100g	AOAC 991.43
	Trans Fat	KPH	200	mg/kg	Ref. AOAC 996.06
	Vitamin D	KPH	0.05	mg/kg	EN 12821 - 2009
	Cholesterol	KPH	10	mg/kg	Ref. AOAC 994.10
	Saturated Fat	0.30	-	g/100g	Ref. AOAC 996.06

BN: 240201-004/TTSG

Mã số mẫu / Sample ID: 2402028

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
Analytical Results

Mã số mẫu/ Sample ID	Chỉ tiêu phân tích/ Parameters	Kết quả/ Result	LOD	Đơn vị/ Unit	Phương pháp/ Test method
2402028	Natri (Na) (*)	336	-	mg/kg	Ref. AOAC 2015.01
	Canxi (Ca) (*)	493	-	mg/kg	Ref. AOAC 2015.01
	Kali (K) (*)	3392	-	mg/kg	Ref. AOAC 2015.01
	Sắt (Fe) (*)	7.59	-	mg/kg	Ref. AOAC 2015.01
	Arsen (As) (*) ^(b)	KPH	0.05	mg/kg	Ref. AOAC 2015.01
	Cadimi (Cd) (*) ^(b)	KPH	0.05	mg/kg	Ref. AOAC 2015.01
	Chì (Pb) (*) ^(b)	KPH	0.05	mg/kg	Ref. AOAC 2015.01
	Thủy ngân (Hg) (*) ^(b)	KPH	0.02	mg/kg	Ref. AOAC 2015.01
	Aflatoxin B ₁	KPH	0.3	µg/kg	Ref. EN 15662-2018
	Aflatoxin tổng (B ₁ B ₂ G ₁ G ₂)	KPH	0.3	µg/kg	Ref. EN 15662-2018
	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*) ^(b)	< 10	-	CFU/g	TCVN 4884 – 1:2015
	Coliforms (*) ^(b)	< 10	-	CFU/g	TCVN 6848:2007
	Escherichia coli (*) ^(b)	< 10	-	CFU/g	TCVN 7924-2:2008
	Salmonella spp. (*) ^(b)	KPH	-	/25g	TCVN 10780 – 1:2017
	Tổng số bào tử nấm men – nấm mốc	< 10	-	CFU/g	TCVN 8275 – 2:2010

BN: 240201-004/TTSG

Mã số mẫu / Sample ID: 2402028

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
Analytical Results

NUTRITION FACTS		
Serving Per Container		
Serving Size 100g		
Amount Per Serving		
Calories		310
% Daily Value *		
Total Fat	0.49 g	1 %
Saturated Fat	0.30 g	2 %
Trans Fat	0 g	
Cholesterol	0 mg	0 %
Sodium	33.6 mg	1 %
Total carbohydrate	75.1 g	27 %
Dietary Fiber	0.93 g	3 %
Total Sugar	30.3 g	
Includes	- added Sugars	- %
Protein	1.41 g	
Vitamine D	0 mcg	0 %
Calcium	49.3 mg	4 %
Iron	0.76 mg	4 %
Potassium	339 mg	7 %
* The % Daily Values (DV) tells you how much a nutrient in a serving of food contributes to a daily diet 2,000 calories a day is used for general nutrition advice.		

BN: 240201-004/TTSG

Mã số mẫu / Sample ID: 2402028

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
Analytical Results

NUTRITION FACTS		
Serving Per Container		
Serving Size 60g		
Amount Per Serving		
Calories		186
% Daily Value *		
Total Fat	0.29 g	0 %
Saturated Fat	0.18 g	1 %
Trans Fat	0 g	
Cholesterol	0 mg	0 %
Sodium	20.2 mg	1 %
Total carbohydrate	45.1 g	16 %
Dietary Fiber	0.56 g	2 %
Total Sugar	18.2 g	
Includes	- added Sugars	- %
Protein	0.85 g	
Vitamine D	0 mcg	0 %
Calcium	29.6 mg	2 %
Iron	0.46 mg	3 %
Potassium	204 mg	4 %
* The % Daily Values (DV) tells you how much a nutrient in a serving of food contributes to a daily diet 2,000 calories a day is used for general nutrition advice.		

BN: 240201-004/TTSG

Mã số mẫu / Sample ID: 2402028

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
Analytical Results

NUTRITION FACTS		
Serving Per Container		
Serving Size 21g		
Amount Per Serving		
Calories		65
% Daily Value *		
Total Fat	0.10 g	0 %
Saturated Fat	0.06 g	0 %
Trans Fat	0 g	
Cholesterol	0 mg	0 %
Sodium	7.06 mg	0 %
Total carbohydrate	15.8 g	6 %
Dietary Fiber	0.20 g	1 %
Total Sugar	6.36 g	
Includes	- added Sugars	- %
Protein	0.30 g	
Vitamine D	0 mcg	0 %
Calcium	10.4 mg	1 %
Iron	0.16 mg	1 %
Potassium	71.2 mg	2 %
* The % Daily Values (DV) tells you how much a nutrient in a serving of food contributes to a daily diet 2,000 calories a day is used for general nutrition advice.		

BN: 240201-004/TTSG

Mã số mẫu / Sample ID: 2402028

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Analytical Results

Ghi chú/Note :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử đã được mã hóa như trên / The results only valid for the sample encoded as above
- Không được trích sao một phần kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty / The results shall not be reproduced except in full, without the written approval of the director
- (*) Phương pháp được Vilas công nhận / The method is accredited by Bureau of Accreditation (VILAS)
- (a) Kết quả do nhà thầu phụ thực hiện / The parameters tested by subcontractor
- (b) Phòng thử nghiệm được chỉ định bởi Bộ Y Tế / Lab approved by Ministry of Health
- LOD: Giới hạn phát hiện / Limit of detection.
- Theo phương pháp thử, kết quả vi sinh được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g hoặc nhỏ hơn 1 CFU/ml khi không có khuẩn/lạc/mọc trên đĩa / According to the test method, the result of microbiology is expressed as less than 10 CFU/g or less than 1 CFU/ml when the dish contains no colony
- Theo phương pháp thử, kết quả vi sinh được biểu thị là 0 MPN/g hoặc MPN/ml nghĩa là không có phản ứng cho thấy sự phát triển của vi sinh vật đích trong môi trường nuôi cấy / According to the test method, the result of microbiology is expressed 0 MPN/g or MPN/ml as there is not reaction indicated growth of target microorganism in culture medium.
- Đối với chất lượng của nước, kết quả vi sinh được biểu thị là 0 nghĩa là không có phát hiện khuẩn lạc trong thể tích mẫu được phân tích / Water quality, the result of microbiology is expressed 0 as not detected colony in the sample volume tested.

Phòng thí nghiệm
Staff of laboratory

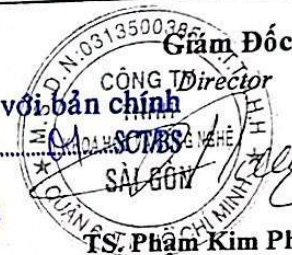
Phạm Thị Kim Cúc

Chứng thực bản sao đúng với bản chính

Số chứng thực.....Quyển số.....

003464

15-03-2024



Giám Đốc

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

TS. Phạm Kim Phương



Trần Thị Thùy Lan